TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 513/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30-11-2023
V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con chung giữa chị Lê Thị T và anh Lê Bá L.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Dũng

2. Bà Trịnh Thị Kim Cúc

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lã Ngọc Tiền – Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Quang Trung – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1987; nơi đăng ký thường trú: Số 228 đường V, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Số 50 đường S, phường K, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Bị đơn: Anh Lê Bá L, sinh năm 1981; nơi đăng ký thường trú và cư trú tại: Số 228 đường V, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên toà: Chị Lê Thị T có mặt. Anh Lê Bá L vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Bá L tự nguyện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định ngày 18-02-2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hoà hợp, bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên hay xảy ra va chạm cãi vã. Năm 2017, chị đã làm đơn gửi Tòa án xin ly hôn, sau đó rút đơn về để vợ chồng hoà giải nhưng không có kết quả nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng trầm trọng. Từ tháng 12-2019 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh Lê Bá L.

- Về con chung: Chị Lê Thị T xác nhận, vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Lan P, sinh ngày 20-01-2009 (Giới tính: Nữ). Con chung đang ở với chị tại khu tập thể công ty thủy lợi nơi chị đang công tác với mức thu nhập trung bình 10.000.000 đồng/tháng. Nay chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị T không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Bị đơn là anh Lê Bá L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án, nhưng anh L không đến Toà án làm việc nên không có quan điểm giải quyết vụ án.

3. Cháu Lê Lan P có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ là chị Lê Thị T.

4. Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ của Toà án, chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Lê Bá L và chị Lê Thị T xác nhận: Anh Lê Bá L cư trú tại số 228 đường V, phường T, thành phố N. Chị Lê Thị T và anh Lê Bá L có 01 con chung là Lê Lan P, sinh ngày 20-01-2009. Quá trình chung sống giữa chị T và anh L có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì địa phương không nắm được. Hiện tại chị T và con chung đã đi nơi khác sinh sống. Nay chị T có đơn xin ly hôn, nuôi con chung với anh L thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà có quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là chị T đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn là anh L chưa tuân thủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử ly hôn giữa chị T với anh L. Về con chung, căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Lê

Lan P, sinh ngày 20-01-2009 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Lê Bá L đã được tống đạt hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Bá L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Bá L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn vào ngày 18-02-2008 tại UBND phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do nảy sinh nhiều bất đồng, hai bên không hoà hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Năm 2017, chị T đã làm đơn ly hôn sau đó rút đơn để hòa giải nhưng hai bên không cải thiện được tình cảm. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị T và anh L đã sống ly thân mỗi người một nơi từ tháng 12-2019 đến nay. Tại phiên tòa chị T giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết ly hôn với anh Lê Bá L. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Bá L.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, cháu P cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, căn cứ vào các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử giao cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Lan P, sinh ngày 20-01-2009. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, anh L không có quan điểm về vấn đề này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Lê Thị T phải nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Lê Bá L.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Lê Lan P, sinh ngày 20-01-2009 (Giới tính: Nữ).

Về cấp dưỡng: Anh Lê Bá L không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của chị Lê Thị T.

Chị Lê Thị T và anh Lê Bá L có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên. Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Lê Thị T đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000384 ngày 11 tháng 10 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Bá L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị Lê Thị T và anh Lê Bá L có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tp. N;
- Chi cục THADS tp. N;
- UBND phường V, tp. N (số 29/2008);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng